

Số: 6778 /KH-UBND

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 10 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

### **Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II, từ hạng IV lên hạng III năm 2018 trên máy tính của tỉnh Lâm Đồng**

#### **I. Các căn cứ để xây dựng Kế hoạch**

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;
- Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2012/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ);
- Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV);
- Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV);
- Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV);
- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 228/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính);

- Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT);

## **II. Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên**

### **1. Mục đích**

- Bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của viên chức (giáo viên) và cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, phổ thông trong các cơ sở giáo dục.

- Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập (sau đây viết tắt là cơ sở giáo dục) trong tỉnh.

### **2. Yêu cầu**

- Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 bảo đảm chính xác, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

### **3. Nguyên tắc**

- Việc cử giáo viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục.

- Giáo viên được tham dự thi thăng hạng từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.

- Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phải bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

## **III. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ**

### **1. Đối tượng**

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và giáo viên (sau đây gọi chung là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập thuộc tỉnh đủ điều kiện tiêu chuẩn để dự thi thăng hạng theo quy định (*Không bao gồm đối tượng giáo viên trung học phổ thông hạng III lên hạng II*).

### **2. Tiêu chuẩn và điều kiện**

Giáo viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

- Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở công lập;

### **3. Hồ sơ đăng ký dự thi:**

- Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức (theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV);

- Bản nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức đối với trường hợp viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý theo các tiêu chí phân loại đánh giá viên chức ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ quy định tại Điều 26 Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi (có chứng thực).

- Bản sao Danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc bản sao giấy chứng nhận giáo viên dạy giỏi hoặc bản sao giấy chứng nhận giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc bản sao giấy chứng nhận tổng phụ trách đội giỏi (có chứng thực).

- Bản sao các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch, nâng lương gần nhất;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Hai (02) ảnh 4x6, 2 phong bì dán tem, ghi rõ họ, tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ.

Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm.

#### **IV. Nội dung, hình thức thi**

**1. Đối với thi giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II** (Không bao gồm đối tượng giáo viên trung học phổ thông hạng III lên hạng II).

a) Môn thi kiến thức chung:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm bằng phần mềm trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 45 phút (40 câu).

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên về Luật viên chức, pháp luật chuyên ngành, quan điểm, chủ trương và các chỉ đạo của ngành về cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%.

b) Môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm bằng phần mềm trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 45 phút (40 câu).

- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng II; trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; năng lực đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng II gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

c) Môn ngoại ngữ:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm bằng phần mềm trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 45 phút (40 câu).

- Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết của giáo viên dự thi ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

- Ngoại ngữ dự thi: Giáo viên dự thi đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc. Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Môn Tin học:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm bằng phần mềm trên máy vi tính.
- Thời gian thi: 45 phút (40 câu).
- Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

**2. Đối với thi từ giáo viên hạng IV lên giáo viên hạng III**

a) Môn kiến thức chung:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm bằng phần mềm trên máy vi tính.
- Thời gian thi: 30 phút (25 câu).
- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, những vấn đề cơ bản về cơ sở giáo dục và giáo viên theo cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%.

b) Môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm bằng phần mềm trên máy vi tính.
- Thời gian thi: 45 phút (40 câu).
- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng III; trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III; năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng III gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

c) Môn ngoại ngữ

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm bằng phần mềm trên máy vi tính.
- Thời gian thi: 45 phút (40 câu).
- Nội dung: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết của giáo viên dự thi ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.
- Ngoại ngữ dự thi: Giáo viên dự thi đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc. Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

d) Môn Tin học:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm bằng phần mềm trên máy vi tính.

- Thời gian: 45 phút (40 câu).

- Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

### **3. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018**

Miễn thi ngoại ngữ đối với giáo viên dự thi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

- Giáo viên có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền.

- Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

- Có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên;

- Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ có quy định thời hạn sử dụng thì việc miễn thi theo quy định này được tính theo thời hạn ghi trên chứng chỉ và giá trị thời hạn của chứng chỉ đó tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi.

- Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ chưa có quy định thời hạn sử dụng thì giá trị của chứng chỉ được chấp nhận cho đến khi có sự thay đổi về quy định thời hạn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ đó của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với giáo viên giảng dạy môn ngoại ngữ thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại mục này phải là ngôn ngữ khác với ngoại ngữ đang giảng ở trình độ tương đương.

### **4. Điều kiện miễn thi môn tin học**

Miễn thi môn tin học đối với giáo viên dự thi đã có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

## **5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi**

- Giáo viên trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 phải dự thi đủ các bài thi của các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định; có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 55 điểm trở lên, các bài thi được chấm theo thang điểm 100.

- Giáo viên không trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 không được bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

## **6. Một số nội dung quy định về thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên**

- Giáo viên trong các cơ sở giáo dục tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức trước ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa yêu cầu có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chưa yêu cầu điều kiện về thời gian giữ hạng liền kề hạng dự thi gần nhất tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên. Trong thời hạn tối đa 01 (một) năm kể từ ngày công bố kết quả thi thăng hạng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng giáo viên có trách nhiệm cử giáo viên đã tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi; Sai khi bỏ sung chứng chỉ thì ban hành quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp.

- Trường hợp giáo viên được cử đi bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi mà không tham gia khóa bồi dưỡng hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

## **V. Thời gian, kinh phí tổ chức thực hiện**

**1. Thời gian:** dự kiến cuối quý IV năm 2018.

### **2. Kinh phí tổ chức**

Kinh phí tổ chức thực hiện lấy từ lệ phí dự xét được thu, chi theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nội vụ:**

- Hướng dẫn các đơn vị triển khai cho viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 trên máy vi tính của tỉnh Lâm Đồng.

- Tổng hợp, thẩm định hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định danh sách viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018.

+ Thành lập Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; thành lập Ban giám sát kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, để xây dựng các nội dung chi và định mức chi cho công tác thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018, gửi đến Sở Tài chính thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo danh mục tài liệu ôn thi môn kiến thức chung; môn chuyên môn, nghiệp vụ; môn ngoại ngữ; xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm Kiến thức chung về luật viên chức: 60 câu

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông chuẩn bị về phần mềm thi trắc nghiệm trên máy vi tính, cơ sở vật chất (phòng thi, máy vi tính, ...), để tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 (trên cơ sở phần mềm thi tuyển công chức năm 2015).

Là cơ quan Thường trực Hội đồng thi, giúp Hội đồng thi:

+ Giúp Hội đồng thi tổ chức thu phí dự thi và sử dụng theo quy định.

+ Thành lập các Ban, tổ giúp việc của Hội đồng

+ Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét thăng hạng.

- Lưu giữ, quản lý hồ sơ viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên đảm bảo đúng quy định.

**2. Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu đăng ký chỉ tiêu thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018**

- Triển khai cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc để giáo viên lập hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên;



- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về điều kiện, tiêu chuẩn của giáo viên được cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 của các đơn vị trực thuộc.

- Tổng hợp lập danh sách trích ngang (theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ) kèm theo hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên và văn bản đề nghị của sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện cử giáo viên có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, gửi về Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định.

- Thu phí của viên chức dự thi gửi về Sở Nội vụ.

### **3. Các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập:**

- Triển khai cho viên chức đủ điều kiện làm hồ sơ đăng ký dự thi.

- Căn cứ vào vị trí việc làm và tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để cử viên chức đi dự thi.

- Tổng hợp danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện gửi sở, UBND cấp huyện cử viên chức dự thi;

- Thu phí của thí sinh dự thi gửi sở (đối với trường thuộc sở), UBND cấp huyện (đối với trường thuộc huyện).

### **4. Các sở, ngành có liên quan:**

a) Sở Tài chính: căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện việc thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các nội dung chi và định mức chi cho công tác thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Cử Công chức tham gia các ban, bộ phận giúp việc của Hội đồng thi;

- Chuẩn bị danh mục tài liệu và ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn kiến thức chung về lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 140 câu.

- Môn chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Giáo viên THCS hạng II: 200 câu.

+ Giáo viên Tiểu học hạng II: 200 câu.

+ Giáo viên mầm non hạng II: 200 câu.

+ Giáo viên Tiểu học hạng III: 200 câu.

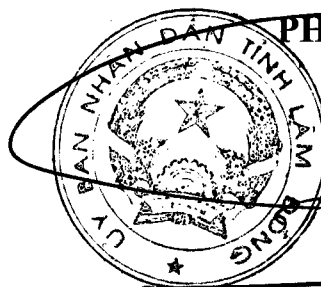
- + Giáo viên mầm non hạng III: 200 câu.
- Môn ngoại ngữ:
  - + Tiếng Anh bậc 2 (khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam): 200 câu.
  - + Tiếng Pháp bậc 2 (khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam): 200 câu.
  - + Tiếng Trung bậc 2 (khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam): 200 câu (nếu có thí sinh dự thi).
  - + Tiếng Nga bậc 2 (khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam): 200 câu (nếu có thí sinh dự thi).
  - Tiếng Đức bậc 2 (khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam): 200 câu (nếu có thí sinh dự thi).
- c) Sở Thông tin và Truyền thông:
  - Phối hợp Sở Nội vụ chuẩn bị về phần mềm thi trắc nghiệm trên máy vi tính, cơ sở vật chất (phòng thi, máy vi tính, ...), cử viên chức tham gia các các ban, bộ phận giúp việc Hội đồng thi theo quy định.
  - Chuẩn bị ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn Tin học: Tin học cơ bản 200 câu.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2018 trên máy vi tính của tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan trao đổi với Sở Nội vụ để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- TT. TỰ; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Văn Đa**